

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh,
các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện,
UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Thực hiện Quyết định số 3164/QĐ-TTCP ngày 26/12/2017 của Thanh tra Chính phủ Công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ; Quyết định số 700/QĐ-TTCP ngày 09/10/2019 của Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giải quyết tố cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra Chính phủ;

Xét đề nghị của Phó Chánh Thanh tra, phụ trách Thanh tra tỉnh ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. *(phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 25/6/2018 của UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra tỉnh; thẩm quyền giải quyết các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chánh Thanh tra, phụ trách Thanh tra tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm tin học - Công báo;
- VNPT Ninh Bình;
- Lưu: VT, VP7, VP11.

MT18/2020/CBTTHC

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tống Quang Thìn

Phụ lục

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA THANH TRA TỈNH,
CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND TỈNH, UBND CẤP HUYỆN,
UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / 20 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
I. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại							
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	<p>- Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.</p> <p>- Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.</p>	<p>- Bộ phận một cửa Thanh tra tỉnh</p> <p>- Bộ phận một cửa các sở, ban, ngành của tỉnh</p>		Không	x	<p>- Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011;</p> <p>- Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 02/2016/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ.</p>

2	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	<p>- Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.</p> <p>- Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết</p>	<p>- Bộ phận một cửa Thanh tra tỉnh</p> <p>- Bộ phận một cửa các sở, ban, ngành của tỉnh</p>		Không	x	<p>- Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011;</p> <p>- Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 02/2016/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ.</p>
---	---	---	--	--	-------	---	---

II. Lĩnh vực giải quyết Tố cáo

3	Giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	<p>Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.</p>	<p>- Bộ phận một cửa Thanh tra tỉnh</p> <p>- Bộ phận một cửa các sở, ban, ngành của tỉnh</p>		Không	x	<p>- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14;</p> <p>- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.</p>
---	--------------------------------	--	--	--	-------	---	---

III. Lĩnh vực Tiếp công dân

4	Tiếp công dân tại cấp tỉnh	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	<ul style="list-style-type: none">- Trụ sở tiếp công dân của tỉnh;- Bộ phận tiếp công dân của các sở, ban, ngành của tỉnh.		Không	x	<ul style="list-style-type: none">- Luật Tiếp công dân số 43/2013/QH13 ngày 25/11/2013;- Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011;- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14;- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ;- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;- Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ;- Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ;- Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 06/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình
---	----------------------------	--	---	--	-------	---	--

IV. Lĩnh vực Xử lý đơn thư

5	Xử lý đơn tại cấp tỉnh	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	<ul style="list-style-type: none">- Ban Tiếp công dân của tỉnh;- Bộ phận tiếp dân, xử lý đơn thư thuộc các sở, ban, ngành của tỉnh.		Không	x	<ul style="list-style-type: none">- Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011;- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14;;- Luật Tiếp công dân số 43/2013/QH13 ngày 25/11/2013;- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;- Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tiếp công dân;- Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.- Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 06/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình
---	------------------------	--	--	--	-------	---	---

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
I. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại							
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	<p>- Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.</p> <p>- Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.</p>	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện.		Không	x	<p>- Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011;</p> <p>- Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;</p> <p>- Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 02/2016/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ ngày 20/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ.</p>

2	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	<p>- Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.</p> <p>- Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.</p>	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện.		Không	x	<p>- Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011;</p> <p>- Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;</p> <p>- Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.</p> <p>- Thông tư số 02/2016/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ ngày 20/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ.</p>
---	--	--	---------------------------------	--	-------	---	--

II. Lĩnh vực giải quyết Tố cáo

3	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện		Không	x	-Luật Tố cáo số 25/2018/QH14;; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.
---	---------------------------------	---	--------------------------------	--	-------	---	--

III. Lĩnh vực Tiếp công dân

4	Tiếp công dân tại cấp huyện	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Trụ sở, địa điểm tiếp công dân của UBND cấp huyện.		Không	x	<ul style="list-style-type: none">- Luật Tiếp công dân số 43/2013/QH13 ngày 25/11/2013;- Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011;- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14;;- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ;- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;- Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ;- Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ;- Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 06/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh
---	-----------------------------	---	--	--	-------	---	--

IV. Lĩnh vực Xử lý đơn thư

5	Xử lý đơn tại cấp huyện	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Ban Tiếp công dân của UBND cấp huyện	Không	x	<ul style="list-style-type: none">- Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011;- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14;- Luật Tiếp công dân số 43/2013/QH13 ngày 25/11/2013;- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ;- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;- Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ;- Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ.- Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 06/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình
---	-------------------------	--	--------------------------------------	-------	---	--

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
I. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại							
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. - Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. 	UBND cấp xã		Không	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. - Thông tư số 02/2016/TT-TTCT của Thanh tra Chính phủ ngày 20/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCT của Thanh tra Chính phủ.

II. Lĩnh vực giải quyết Tố cáo

2	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.	UBND cấp xã		Không	x	<ul style="list-style-type: none">- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14;- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.
---	------------------------------	---	-------------	--	-------	---	---

III. Lĩnh vực Tiếp công dân

3	Tiếp công dân tại cấp xã	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	UBND cấp xã	Không	x	<ul style="list-style-type: none">- Luật Tiếp công dân số 43/2013/QH13 ngày 25/11/2013;- Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011;- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14;;- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ;- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;- Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ;- Thông tư số 06/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ;- Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 06/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.
---	--------------------------	---	-------------	-------	---	--

IV. Lĩnh vực Xử lý đơn thư

4	Xử lý đơn tại cấp xã	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Trụ sở, địa điểm tiếp công dân UBND cấp xã		Không	x	<ul style="list-style-type: none">- Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011;- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14;;- Luật Tiếp công dân số 43/2013/QH13 ngày 25/11/2013;- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ;- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;- Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ;- Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ.- Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 06/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.
---	----------------------	--	--	--	-------	---	--

